

Số: /QC-ĐGTS

Kon Tum, ngày tháng 11 năm 2024

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên & Môi trường và Bộ Tài chính về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3843/UBND-NNTN ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/2024/HDDVĐGTS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Kon Tum và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum,

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế cuộc đấu giá gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá và tiền hồ sơ:

- Tài sản đấu giá: Quyền khai thác khoáng sản đối với 19 khu vực thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024 (Trong đó: 15 khu vực Cát làm VLXDĐT, 02 khu vực Đất làm VLXDĐT và 02 khu vực Đá làm VLXDĐT) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Giá khởi điểm phiên đấu giá của 19 khu vực khoáng sản chưa thăm dò được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R). Tổng giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định trên cơ sở mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khởi điểm là 14.307.775.639 đồng (Mười bốn tỷ, ba trăm linh bảy triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng). Mức giá khởi điểm chưa bao gồm phí khảo sát thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực dự án... và các chi phí khác có liên quan (Người trúng đấu giá phải hoàn trả).

- Quy định tiền đặt trước đối với từng khu vực với mức thu bằng 20% giá khởi điểm, tổng 19 khu vực khoáng sản là: 2.861.555.127 đồng (Hai tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng).

- Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Bước giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản được xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính (mức tăng tăng thêm của R); được xác định theo nguyên tắc: Trường hợp giá trị khởi điểm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tính tương ứng theo R_{kd}) nhỏ hơn 500 triệu thì bước giá là 3%; từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ thì bước giá là 2%; từ 1 tỷ trở lên bước giá là 1% của giá khởi điểm.

Số TT	Loại khoáng sản	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m^3)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Giá trị tiền cấp quyền khởi điểm (đồng)	Bước giá (%)	Tiền đặt trước	Tiền hồ sơ
1	Cát làm VLXDT T	Thôn 13 xã Đăk Ruông và thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy (Vị trí 1)	2,5	25.000	5	310.078.125	0,15	62.015.625	200.000
2	Cát làm VLXDT T	Thôn 13 xã Đăk Ruông và thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy (Vị trí 2)	2	20.000	5	248.062.500	0,15	49.612.500	200.000
3	Cát làm VLXDT T	Thôn 10, 11 xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy	5	50.000	5	620.156.250	0,1	124.031.250	500.000
4	Cát làm VLXDT T	Thôn Đăk Puih, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	3,6	44.400	5	550.698.750	0,1	110.139.750	500.000
5	Cát làm VLXDT T	Thôn 1, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy	2	20.500	5	254.264.063	0,15	50.852.812	200.000
6	Cát làm VLXDT T	Thôn Kon Du, xã Măng Cành, huyện Kon Plông	0,4	6.545	5	81.178.453	0,15	16.235.690	150.000

7	Cát làm VLXDT T	Thôn Kon Tu Răng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông	2,02	32.320	5	400.869.000	0,15	80.173.800	200.000
8	Cát làm VLXDT T	Thôn 1 và 2 xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	1,25	12.500	5	155.039.063	0,15	31.007.812	200.000
9	Cát làm VLXDT T	Thôn Kon Pring và thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô	0,5	5.000	5	62.015.625	0,15	12.403.125	150.000
10	Cát làm VLXDT T	Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô	0,4	4.000	5	49.612.500	0,15	9.922.500	100.000
11	Cát làm VLXDT T	Ranh giới Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei và Thôn Đăk Đăk Giá 2, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	1,5	15.000	5	186.046.875	0,15	37.209.375	200.000
12	Cát làm VLXDT T	Ranh giới Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei và Thôn Đăk Đăk Giá 1, xã Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	8,5	85.000	5	1.054.265.625	0,05	210.853.125	500.000
13	Cát làm VLXDT T	Xã Đăk Ang và xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi	2,87	28.700	5	355.969.688	0,15	71.193.937	200.000
14	Cát làm VLXDT T	Xã Hơ Moong, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà	20	200.000	5	2.480.625.000	0,05	496.125.000	500.000
15	Cát làm VLXDT T	Làng Lung, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	1,57	15.700	5	194.729.063	0,15	38.945.812	200.000
16	Đất làm	Thôn Kon Tu	4,61	1.097.180	3	1.872.524.191	0,03	374.504.838	500.000

	VLXDT T	Peng, xã Pô Kô, huyện Đăk Tô							
17	Đất làm VLXDT T	Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum	3,3	785.400	3	1.340.418.618	0,03	268.083.723	500.000
18	Đá làm VLXDT T	Thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	4,13	867.300	3	3.454.022.250	0,03	690.804.450	500.000
19	Đá làm VLXDT T	Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	1,6	160.000	3	637.200.000	0,06	127.440.000	500.000

(Chi tiết 19 khu vực khoáng sản chưa thăm dò tại hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

*** Tài sản đấu giá theo các hồ sơ giấy tờ:**

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024.

- Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024.

- Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá của các khu vực khoáng sản thuộc Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024.

*** Lưu ý: Quy định nộp tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước**

- Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt.

- Tiền đặt trước nộp từ ngày 12/12/2024 đến 09 giờ 00 phút ngày 16/12/2024 (Nộp giấy nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trước 09 giờ 00 phút ngày 16/12/2024). Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, vào tài khoản số 5100201009520 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Thời gian bán hồ sơ, nhận hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nhận phiếu trả giá: Từ ngày thông báo đến 9 giờ 00 phút ngày 16/12/2024.

Điều 3. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

* Thời gian xem tài sản: Ngày 12-13/12/2024.

* Địa điểm xem tài sản: Tại 19 khu vực khoáng sản đấu giá, quy định tại Điều 1 Quy chế này.

Điều 4. Thời gian tổ chức buổi công bố giá: Bắt đầu vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 19/12/2024.

Điều 5. Địa điểm bán hồ sơ, nhận hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nhận phiếu trả giá và tổ chức buổi công bố giá:

Tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum (Số 211, đường Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum). Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được nộp trực tiếp cho tổ chức đấu giá tài sản.

Điều 6. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, tổ chức khi đăng ký tham gia đấu giá là những người không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và quy định tại Điều 9 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ, thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá tài sản theo quy định. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ gồm có:

1. Đảm bảo đúng quy định tại Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
2. Bản cam kết (*Bản chính, do tổ chức đấu giá tài sản ban hành*);
3. Căn cước/Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân (*photo công chứng*);
4. Phiếu trả giá (*Sau khi trả giá người tham gia đấu giá tự niêm phong riêng*);
5. Giấy nộp tiền đặt trước (*nộp giấy nộp tiền đặt trước cùng hồ sơ hoặc trước 09 giờ ngày 16/12/2024, nộp tiền đặt trước đúng thời hạn quy định*).

***Lưu ý:** Trước khi nộp hồ sơ người tham đấu giá phải niêm phong hồ sơ theo quy định (*Phiếu trả giá niêm phong riêng*). Hồ sơ được xét chọn phải đảm bảo theo quy định tại Mục Đ trong Hồ sơ mời đấu giá Quyền khai thác khoáng sản.

Điều 7. Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá

Tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá khi đủ các điều kiện sau:

- Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Kon Tum và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum xét chọn đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá. Hồ sơ được xét chọn phải đảm bảo theo quy định tại Mục Đ trong Hồ sơ mời đấu giá Quyền khai thác khoáng sản.

- Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định.

Điều 8. Hình thức đấu giá, trả giá và phương thức đấu giá:

- Mỗi khu vực khoáng sản tổ chức một phiên đấu giá. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp

+ Khi đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá được nhận phiếu trả giá, hướng dẫn về cách ghi phiếu, thời hạn nộp phiếu trả giá và buổi công bố giá; được tổ chức đấu giá tài sản giới thiệu từng tài sản đấu giá, nhắc lại giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm, trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá và các nội dung khác theo Quy chế cuộc đấu giá.

+ Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu. Phiếu trả giá được nộp trực tiếp và được tổ chức đấu giá tài sản bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

+ Tại buổi công bố giá đã trả của người tham gia đấu giá, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá giới thiệu bản thân, người giúp việc; đọc Quy chế cuộc đấu giá; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu.

Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá mời ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát sự nguyên vẹn của từng phiếu trả giá; tiến hành bóc từng phiếu trả giá, công bố số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất và công bố người có phiếu trả giá cao nhất là người trúng đấu giá.

+ Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất thì ngay tại buổi công bố giá, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Đấu giá viên quyết định hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Hình thức trả giá trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong vòng đấu giá đầu (trong khi trả giá), tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải trả giá thấp nhất bằng giá khởi

điểm phiên đấu giá cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2,..., n lần). Giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định là $R_{kd}(\%)$ và bước giá được xác định $R(\%)$, Ví dụ: Giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định là $R_{kd} = 5\%$ và bước giá được xác định $R = 0,15\%$, thì người tham gia đấu giá phải trả giá là: $R_{dg}(\%) = 5,15$ hoặc $5,30$ hoặc $5,45\dots$ (không giới hạn số nguyên lần bước giá).

+ Trường hợp phải tổ chức vòng đấu giá tiếp theo, giá khởi điểm là giá được trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá trả thấp nhất phải bằng giá khởi điểm vòng đấu cộng số nguyên lần bước giá.

+ Phiếu trả giá có giá trị không đúng quy định tại hai điểm trên được coi là không hợp lệ (Giá ghi trong phiếu tham gia đấu giá là hợp lệ khi có giá trị bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá).

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

Điều 9. Những người sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá

1. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

2. Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản.

3. Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

4. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên & Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

6. Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 10. Nội quy phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Người tham gia đấu giá khi vào phòng đấu giá phải xuất trình Căn cước/Căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy ủy quyền theo quy định (nếu có).

Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 03 người tham gia phiên đấu giá, trong đó có 01 người đại diện được trả giá.

2. Trong thời gian diễn ra phiên đấu giá, người tham gia đấu giá phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Chỉ được trao đổi trong nội bộ tổ chức của mình về các thông tin liên quan mà không được trao đổi với tổ chức, cá nhân khác;

b) Không sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc trong suốt quá trình diễn ra phiên đấu giá;

c) Không có hành vi gây mất trật tự, cản trở, phá rối phiên đấu giá, hoặc vi phạm quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác cùng tham gia phiên đấu giá;

d) Không mua chuộc nhằm loại trừ người tham gia đấu giá khác hoặc cấu kết, thông đồng để đim giá.

3. Trường hợp người tham gia đấu giá vi phạm một trong các quy định tại Khoản 2 Điều này, Đại diện tổ chức có tài sản đấu giá và người điều hành cuộc đấu giá có quyền tạm ngưng cuộc đấu giá, lập biên bản xử lý và chỉ tiếp tục cuộc đấu giá sau khi hành vi vi phạm đã được xử lý theo quy định.

Điều 11. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá

1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá.

2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá.

4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

5. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận quy định tại các khoản 1, 2 và 3 điều 50 Luật đấu giá tài sản.

6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 12. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước

Người tham gia đấu giá nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

1. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, bỏ dở công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

2. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản 2016.

3. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

4. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

5. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản 2016.

Điều 13. Thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá.

Quy chế cuộc đấu giá được thông báo công khai theo quy định. Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá phổ biến Quy chế cuộc đấu giá trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Kon Tum (Đề niêm yết);
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (Đề niêm yết);
- Trang thông tin điện tử chuyên ngành về ĐGTS (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp (đăng tải);
- Người đăng ký tham gia đấu giá (Kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/ĐGTS.

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Thủy